TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **190**/2025/DS-ST. Ngày: 29/9/2025. V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Danh Sà Khol.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thuý Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 05 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 09 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa:

1/ *Nguyên đơn*: **Ngân Hàng TMCP V (V1)**.

Trụ sở: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà ACM, số I C, Phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hồng B** - Trưởng phòng xử lý nợ - Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân - Trung tâm thu hồi nợ KHCN theo uỷ

quyền số 38b/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Hoàng P** - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 1534/UQ-VPB ngày 12/9/2025); Địa chỉ: Số D đường T, phường R, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ *Bị đơn*: Ông **Trần Văn Ú,** sinh năm 1970 và bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã B, tỉnh An Giang (ông Ú vắng, bà T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Ngày 11 tháng 03 năm 2020 vợ chồng ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T có ký kết hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 với Ngân Hàng TMCP V để vay số tiền 240.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 11/03/2020 đến ngày 11/03/2025, giải ngân vào ngày 11/03/2020 theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7.9%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm và được tính bằng mức lãi suất cho vay hiện hành của V1 tại thời điểm thay đổi lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay vốn để mua xe ô tô con. Phương thức thanh toán: Trả gốc và lãi vào ngày 11 hàng tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ 4.000.000đồng, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 11/4/2020.

Ngày 15/9/2023 ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục ký kết hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 với Ngân Hàng TMCP V; số tiền vay là 78.471.661 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay; mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời

gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần vào các ngày đầu quý tiếp theo là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm.

Để đảm bảo khoản vay trên ông Ú và bà T đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA Frontier K200-TL; Biển số đăng ký: 68C-116.62; Số khung: RNHA05KHALCO11269; Số máy: K017734D4CB theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày10/03/2020 đứng tên Trần Văn Ú.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ú và bà T đã tất toán hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 xong nhưng vẫn chưa thanh toán khoản nợ của hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 được ký ngày 15/09/2023, tính đến ngày 20/01/2024 ông Ú và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 77.547.908 đồng (trong đó nợ gốc 76.881.637 đồng, nợ lãi 666.271đồng).

Do vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên Ngân Hàng TMCP V khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất (nay là Toà án nhân dân Khu vực 4 - An Giang) yêu cầu ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng P - đại diện Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân Hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 47.426.286 đồng (trong đó nợ gốc 47.079.661 đồng, nợ lãi 346.625 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Ú, bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Ú và bà T không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA Frontier K200-TL; Biển số đăng ký: 68C-116.62; Số khung: RNHA05KHALCO11269; Số máy: K017734D4CB theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày10/03/2020 đứng tên Trần Văn Ú. Số tiền phát mại tài sản (tài sản đảm bảo cho khoản vay) không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng có

quyền yêu cầu ông Ú và bà T tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2025 bị đơn ông Trần Văn Ú trình bày:**

Ông Trần Văn Ú đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi về việc Ngân Hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với vợ chồng ông. Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 ngày 11/03/2020, hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ký ngày 15/09/2023 do Ngân hàng TMCP V cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông. Vợ chồng ông vay vốn tại Ngân hàng là để mua xe tô tô tải nhãn hiệu KIA Frontier K200-TL, biển số đăng ký: 68C-116.62 đứng tên Trần Văn Ú. Xe ô tô tải này hiện đang do vợ chồng ông quản lý và sử dụng từ lúc mua cho đến nay. Ông Ú xác định khoản nợ vay của Ngân hàng cho đến nay vẫn thanh toán. Nay theo yêu cầu của Ngân hàng buộc vợ chồng ông phải trả số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 47.426.286 đồng (trong đó nợ gốc 47.079.661 đồng, nợ lãi 346.625 đồng) thì ông cũng đồng ý. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông được trả dần khoản nợ trên.

*** Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày**:

Bà Nguyễn Thị Kim T thống nhất lời trình bày của ông Trần Văn Ú, bà T thừa nhận vợ chồng bà có ký kết hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 ngày 11/03/2020, hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 với Ngân hàng TMCP V để vay tiền. Số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Hiện vợ chồng bà vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng bà được trả dần khoản nợ trên, theo đúng lịch trả nợ đã ký kết giữa vợ chồng bà với Ngân hàng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 47.426.286 đồng (trong đó nợ gốc 47.079.661 đồng, nợ lãi 346.625 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Ú, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị đơn ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân Hàng TMCP V yêu cầu ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú

tại tổ B, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã B, tỉnh An Giang) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Trần Văn Ú đã được Toà án triệu hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn Ú tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 ngày 11/03/2020 và hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét thấy hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức và không trái với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 ngày 11/03/2020 và hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP V về việc buộc ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 47.426.286 đồng (trong đó nợ gốc 47.079.661 đồng, nợ lãi 346.625 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. HĐXX thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ cụ thể là các hợp đồng tín dụng số LN2002262197828 ngày 11/03/2020 và hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp

xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 15/9/2023; đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản; biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 15/9/2023 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T. Thấy rằng tại các văn bản này đều thể hiện ông Ú, bà T có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP V. Việc xác lập hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa phía bị đơn ông Ú và bà T cũng thừa nhận rằng ông bà có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP V và tính đến ngày 29/9/2025 thì vợ chồng ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền là 47.426.286 đồng (trong đó nợ gốc 47.079.661 đồng, nợ lãi 346.625 đồng), vì vậy khi Ngân hàng khởi kiện thì ông bà cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy đây là sự tự nguyện trả nợ của đương sự nên cần thiết ghi nhận. Do đó, căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 47.426.286 đồng (trong đó nợ gốc 47.079.661 đồng, nợ lãi 346.625 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Ú, bà T trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3.3] Đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA Frontier K200-TL; Biển số đăng ký: 68C-116.62; Số khung: RNHA05KHALCO11269; Số máy: K017734D4CB theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 10/03/2020 đứng tên Trần Văn Ú, hiện đang do ông Ú và bà T quản lý, sử dụng.

Sau khi ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T trả nợ xong thì Ngân hàng TMCP V phải trả cho ông Ú, bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải nhãn hiệu KIA Frontier K200-TL, biển số đăng ký: 68C-116.62, số khung: RNHA05KHALCO11269, số máy: K017734D4CB đứng tên Trần Văn Ú đã thế chấp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Ú, bà T không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu của ông Ú và bà T xin được trả dần số nợ trên nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ T1 quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Vì vậy, yêu cầu này của ông Ú và bà T là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng (47.426.286 x 5% = 2.371.000 đồng).

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 47.426.286 đồng (*Bốn mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*).

Buộc ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim P1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN2309080208267 ngày 15/09/2023 mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim T trả nợ xong thì Ngân hàng TMCP V phải trả cho ông Ú, bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải nhãn hiệu KIA Frontier K200-TL, biển số đăng ký: 68C-116.62, số khung: RNHA05KHALCO11269, số máy: K017734D4CB đứng tên Trần Văn Ú đã thế chấp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Ú, bà T không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

2/. Về án phí DSST: Buộc ông Trần Văn Ú và bà Nguyễn Thị Kim P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.371.000 đồng (*Hai triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền tạm ứng đã nộp là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011143 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - An Giang).

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Đ